

NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

XU HƯỚNG ƯU TIÊN SỬ DỤNG HÌNH THỨC PHỦ ĐỊNH BIỂU THỊ KHẢ NĂNG TRONG TIẾNG HÁN VÀ TIẾNG VIỆT

THE PRIORITY IN USING NEGATIVE FORM OF THE POTENTIAL STRUCTURES IN CHINESE AND VIETNAMESE

TỪ BÍCH DIỆP

(NCS; Trường Đại học Vũ Hán, Trung Quốc)

Abstract: Nowadays, in almost every natural languages, there's an objective existence of the "potential category" and the syntactic structures that express this category (also called "potential structures"). Among these potential structures in Chinese, the potential complement structure "V de/bu C" is an unique one. In Vietnamese, we can put the adverbs "duoc", "noi" and "xue" behind the main verb to express possibility. In this paper, we temporarily denoted structures that use these adverbs as "(khong) V+M" (with M stands for "duoc", "noi", "xue"). In practical language, both of those two structures show that they have the priority of being used in their negative form. This paper focuses on the description of the specific performance of this trend, moreover we will make the preliminarily explanation for the root of this phenomenon.

Key words: negative form; priority; potential structures; Chinese; Vietnamse.

1. Dẫn nhập

Trong thực tế đời sống, hàng ngày con người đều phải đối mặt với những sự biến đổi và vận động không ngừng của muôn vàn các hiện tượng, các sự vật, sự việc. Trong quá trình thích nghi với thế giới để mưu cầu sinh tồn, giữa con người và thế giới tự nhiên cũng như với xã hội loài người đã nảy sinh rất nhiều các mối quan hệ, trong đó có các mối quan hệ về "khả năng". Hồ Thanh Quốc¹ (2003) đã từng giải thích về nguồn gốc sự tồn tại của "phạm trù khả năng" như sau: "*Con người vì mưu cầu sinh tồn và mong muốn phát triển nên trong quá trình tương tác với thế giới tự nhiên và với chính xã hội loài người đã nảy sinh rất nhiều mâu thuẫn và đấu tranh, con người không thể làm mọi việc theo ý muốn của mình. Trong quá trình tương tác này, hi vọng chủ quan của con người luôn gặp phải sự ràng buộc của các quy luật của thế giới khách*

quan cũng như những quy tắc đạo đức của chính con người. Tình trạng này là rất phổ biến và thường thấy. Điều này được phản ánh vào trong ngôn ngữ, và được con người biểu đạt bằng các kết cấu ngôn ngữ. Đây chính là 'phạm trù khả năng' trong ngôn ngữ."

Tiếng Hán và tiếng Việt cũng không ngoại lệ. Trong tiếng Hán, để biểu thị phạm trù khả năng, ngoài việc sử dụng các động từ năng nguyện như 能, 可以, 会, 要, v.v. thì trong ngôn ngữ này còn tồn tại một hình thức biểu thị khả năng rất đặc biệt khác, đó là cấu trúc bổ ngữ khả năng "V 得/不 C", mà theo như Ngô Phúc Tường² (2012) thì cấu trúc này là một hiện tượng cú pháp "đặc trưng của tiếng Hán" và "hiếm có trong số các ngôn ngữ trên thế giới." Trong tiếng Việt, ngoài các trợ động từ như "có thể", "biết" (ví dụ: *Tôi biết lái ô tô*) để biểu thị khả năng, một cách dùng thường thấy khác là đặt các phó từ "được", "nổi",

¹ 胡清国.2003. "V 得/不 C" 的强势与理据. 华中师范大学学报 (人文社会科学版), 03:124-129.

² 吴福祥.2012.试说汉语几种富有特色的句法模式——兼论汉语语法特点的探求. 语言研究, 01: 1-13.

“xuê” sau động từ để biểu thị khả năng. Chúng tôi tạm kí hiệu cấu trúc sử dụng các phó từ này là “không” V + M (với M là các từ “được”, “nổi”, “xuê”). Trong bài viết này, chúng tôi chỉ lấy đối tượng nghiên cứu là cấu trúc V 得/不 C của tiếng Hán và “không” V + M của tiếng Việt, trong đó tập trung nghiên cứu và lí giải về xu hướng thiên về sử dụng phủ định của hai cấu trúc này. Với các cấu trúc biểu đạt khả năng khác trong tiếng Hán và tiếng Việt, xin được bàn luận trong những nghiên cứu khác.

Khi tìm hiểu về thực tế sử dụng hai cấu trúc V 得/不 C của tiếng Hán và “không” V + M của tiếng Việt, chúng tôi nhận thấy việc sử dụng hai cấu trúc này đều tồn tại xu hướng thiên về sử dụng hình thức phủ định. Trong tiếng Hán, tần suất sử dụng của V 不 C (phủ định) cao hơn nhiều lần so với “V 得 C” (khẳng định). Còn trong tiếng Việt, cấu trúc biểu thị khả năng dùng từ “nổi” đa phần đều tồn tại dưới dạng phủ định, các cấu trúc dùng từ “xuê” chỉ tồn tại dạng phủ định. Cùng với việc khảo sát, chúng tôi cố gắng chỉ ra những nguyên nhân dẫn đến hiện tượng này và bước đầu giải thích những nguyên nhân đó.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Biểu hiện của xu hướng thiên về sử dụng hình thức phủ định trong cấu trúc bổ ngữ khả năng V 得/不 C của tiếng Hán

Các học giả Trung Quốc từ lâu đã chú ý tới sự tồn tại của hiện tượng bất đối xứng trong tần suất sử dụng của V 得 C và V 不 C của tiếng Hán, đồng thời nhiều lần dùng kết quả thống kê chứng minh. Chẳng hạn, Triệu Nguyên Nhiệm (1980) trong “Ngữ pháp khẩu ngữ tiếng Hán” đã chú ý đến việc tần suất sử dụng của V 不 C cao hơn nhiều so với V 得 C, thậm chí một số V 不 C còn không có kết cấu V 得 C tương ứng. Lưu Nguyệt Hoa (1980) trong “Nghiên cứu về cách dùng của bổ ngữ khả năng” đã tiến hành thống kê đối với các tác phẩm có tổng số lượng từ ngữ là 1,1 triệu chữ của Tào Ngụ, Lão Xá, v.v. và thu được

kết quả là: số lượt từ V 不 C cao gấp 50 lần so với V 得 C. Thạch Dục Trí (1990) tận dụng “Từ điển tần suất tiếng Hán hiện đại” khảo sát tần suất sử dụng của hai kết cấu trên, kết quả là tổng số lượt dùng của V 不 C cao gấp 7 lần V 得 C. Hồ Thanh Quốc (2003) lựa chọn ngữ liệu tiếng Hán hiện đại (“Vịnh Thanh Bình xa xôi” của Sử Thiết Sinh, “Thỏa nguyện rồi hãy chết” của Vương Sóc, “Mặt trời mọc” của Tào Ngụ) và thực hiện thống kê trên quy mô nhỏ, kết quả là: tần suất sử dụng của V 不 C cao gấp 10 lần V 得 C. Có thể thấy, mỗi nhà nghiên cứu sử dụng số liệu và phạm vi khác nhau, dẫn đến tỉ lệ về tần suất khác nhau, song kết luận là tương tự: Tần suất sử dụng của V 不 C cao hơn hẳn so với V 得 C.

Bên cạnh tần suất sử dụng, các nhà nghiên cứu còn tìm ra đặc điểm phân bố của V 不 C và V 得 C, đó là: Trong câu trần thuật, tần suất sử dụng của V 不 C cao hơn nhiều so với V 得 C, và tất cả những câu hỏi sử dụng V 得 C đều là câu phản vấn (Thạch Dục Trí: 1990), do đó ý nghĩa mà nó biểu đạt vẫn là phủ định.

Từ tần suất sử dụng và đặc điểm phân bố, có thể thấy trong tiếng Hán, V 不 C là cấu trúc có được ưu tiên sử dụng, thậm chí Hồ Thanh Quốc (2003) còn cho rằng V 不 C là cấu trúc động từ - bổ ngữ biểu hiện khả năng trong tiếng Hán và là cấu trúc ưu tiên phủ định.

2.2. Biểu hiện của xu hướng thiên về sử dụng hình thức phủ định trong cấu trúc “không” V + M của tiếng Việt

Sau khi tiến hành khảo sát đối với tất cả các động từ trong tiếng Việt, người viết bài thu được những kết quả như sau: theo “Từ điển tiếng Việt” (Hoàng Phê chủ biên³: 1994), tiếng Việt có 5985 động từ, trong đó ngoại trừ 434 động từ không thể đưa vào kết

³ Hoàng Phê chủ biên. 1994. *Từ điển tiếng Việt*. NXB Khoa Học Xã Hội.

câu “không”V+ M” thì 5551 động từ còn lại đều có thể đưa vào kết cấu trên. Trong số 5551 động từ đó, lại có 121 động từ chỉ tồn tại hình thức phủ định, tức là kết cấu khả năng do các động từ này cấu thành không có hình thức khẳng định tương ứng. (Nếu trong cấu trúc không tồn tại phó từ phủ định “không” thì cấu trúc chỉ có thể tồn tại dưới hình thức phản vấn, mà hình thức phản vấn về bản chất cũng biểu thị ý nghĩa phủ định). Như vậy, tiếng Việt có 5430 động từ có thể đưa vào hình thức khẳng định của cấu trúc biểu thị khả năng V+ M và 5551 động từ chỉ có thể đưa vào hình thức phủ định của cấu trúc biểu thị khả năng “không”+V+ M. Có thể thấy, trong thực tế ngôn ngữ, khi biểu thị ý nghĩa khả năng, hình thức phủ định xuất hiện với tần suất cao hơn hình thức khẳng định, hơn nữa, trong ba loại của cấu trúc “không”+V+ M (với M là “được”, “nổi”, “xuê”), tuyệt đại đa số trường hợp có “nổi” và “xuê” chỉ có thể dùng hình thức phủ định. Điều đó khiến cho hình thức phủ định càng trở nên có ưu thế hơn so với hình thức khẳng định.

Ngoài ra, chúng tôi còn tiến hành khảo sát tần suất sử dụng hình thức khẳng định và phủ định của cấu trúc “không+V+ M” trong 73 tác phẩm của 5 nhà văn Việt Nam nổi tiếng, kết quả như sau:

STT	Tác giả	“không”V+ M			
		Hình thức khẳng định		Hình thức phủ định	
		Số lượt sử dụng	Tỉ lệ %	Số lượt sử dụng	Tỉ lệ %
1	Nam Cao	61	42%	84	58 %
2	Thạch Lam	45	32%	94	68 %

3	Ngô Tất Tố	27	43%	36	57 %
4	Nguyễn Minh Châu	12	41%	17	59 %
5	Nguyễn Khải	14	42%	19	58 %
Tổng		159	39%	250	61 %

Từ bảng trên, có thể thấy: có tất cả 409 ví dụ sử dụng cấu trúc “không”V+ M, trong đó hình thức khẳng định chiếm 39%, hình thức phủ định chiếm 61%, tần suất sử dụng của hình thức phủ định cao hơn hình thức khẳng định 1,56 lần. Tuy tần suất sử dụng hình thức phủ định trong tiếng Việt không quá cao so với hình thức khẳng định như trong tiếng Hán, nhưng hiện thực ngôn ngữ như trên đã đủ để chứng minh rằng, khi sử dụng cấu trúc “không”V+ M” biểu đạt ý nghĩa khả năng, hình thức phủ định là hình thức chiếm ưu thế.

2.3. Giải thích nguyên nhân của xu hướng thiên về sử dụng phủ định

Từ những biểu hiện cụ thể của xu hướng thiên về sử dụng hình thức phủ định của cấu trúc V 得/不 C trong tiếng Hán và “không”V+ M trong tiếng Việt, có thể thấy, tuy trong hai ngôn ngữ khác nhau, nhưng trên phương diện biểu đạt ý nghĩa khả năng, tần suất sử dụng hình thức phủ định của hai cấu trúc này đều chiếm ưu thế. Để giải thích hiện tượng này, phải trả lời hai vấn đề sau: Thứ nhất, vì sao trong ngôn ngữ lại tồn tại hiện tượng bất đối xứng giữa hình thức khẳng định và phủ định?; Thứ hai, hiện tượng này tồn tại trong cả tiếng Hán và tiếng Việt, điều này có phải là do tính tương đồng trong ngôn ngữ tạo thành hay không?

Về vấn đề thứ nhất: Trong tiếng Hán, không chỉ V 不 C có tần suất sử dụng cao hơn nhiều so với V 得 C mà thậm chí có nhiều hình thức phủ định V 不 C còn không tồn tại

hình thức khẳng định tương ứng. Ví dụ: 说不定, 看不过, 了不起, 恨不得. Hiện tượng thiên về sử dụng phủ định không chỉ xảy ra với các cấu trúc biểu thị khả năng, mà Thạch Dục Trí⁴ (1990) còn phát hiện ra tình trạng tương tự trong việc sử dụng từ vựng của tiếng Hán: có những từ chỉ dùng hình thức phủ định như: 介意, 理睬, 中用, 顶事, v.v. Trong tiếng Việt, chúng tôi cũng nhận thấy một số từ thường chỉ dùng với hình thức phủ định như “khách sáo”, “chấp nê”, “bỉ mặt”, “để bụng”, “giữ kẽ” v.v. Chúng ta có thể tạm gọi những từ này là “nhóm từ phủ định”.

Thạch Dục Trí (1990) khi nghiên cứu về nguyên nhân hình thành chức năng biểu đạt khác nhau giữa V 不 C và V 得 C cũng như giải thích vì sao V 不 C thường chỉ xuất hiện ở câu trần thuật, còn V 得 C lại thường xuất hiện ở câu nghi vấn đã phát hiện ra rằng, hiện tượng này vốn xuất phát từ một quy luật trong ngôn ngữ tự nhiên: “(các từ có) mức độ khẳng định thấp sẽ có tỉ lệ dùng trong cấu trúc phủ định cao, mức độ khẳng định cao sẽ dùng trong hình thức khẳng định, trình độ khẳng định không cao không thấp thì tỉ lệ dùng trong các cấu trúc khẳng định và phủ định là tương đương nhau.” Cụ thể là, ông thông qua việc giải thích vì sao các từ như 介意, 理睬, 中用 lại có tỉ lệ sử dụng hình thức phủ định cao và lấy đó làm cơ sở để giải thích cho xu hướng thiên về sử dụng phủ định của cấu trúc V 得/不 C. Khi đặt các từ trong nhóm trên vào cạnh các từ thuộc cùng một khái niệm thì những từ thuộc loại “介意” đều thể hiện mức độ khẳng định là thấp nhất. Ví dụ:

a. 介意 记得 牢记 铭记 (sắp xếp theo mức độ kéo dài của trí nhớ từ thấp đến cao)

b. 理睬 同意 赞成 拥戴 (sắp xếp theo mức độ tương đồng về ý kiến từ thấp đến cao)

c. 买张 服气 佩服 钦佩 (sắp xếp theo mức độ tin tưởng từ thấp đến cao)

Trong cùng một nhóm từ thì các từ thuộc loại 介意 có mức độ khẳng định thấp nhất, đối với một khái niệm nào đó, những từ này có mức độ khẳng định là “ít nhất” và hình thức phủ định của những từ này biểu đạt sự *phủ định hoàn toàn*. Việc này dẫn đến kết quả là: trong một nhóm từ cùng biểu đạt một khái niệm nào đó, những từ có mức độ thấp nhất chỉ dùng hoặc đa phần dùng trong cấu trúc phủ định. Trong cấu trúc V 得/不 C, tỉ lệ sử dụng hình thức phủ định cao hơn nhiều lần so với hình thức khẳng định cũng có thể dùng phương pháp như trên để giải thích. Việc giải thích quy luật sử dụng khẳng định và phủ định của nhóm từ 介意 chính là nguồn gốc logic giải thích cho việc thiên về sử dụng hình thức phủ định của cấu trúc V 得/不 C. Mức độ khẳng định của V 得 C rất thấp, ngữ nghĩa của cấu trúc này là “có một chút khả năng”. Từ khả năng kết hợp của V 不 C và V 得 C với các phó từ chỉ mức độ khác, chúng ta có thể phán đoán được mức độ khẳng định của hai hình thức này là cao hay thấp. Cụ thể là: Trước V 不 C thường không thể dùng các phó từ chỉ mức độ như 难, 很难, 容易, còn V 得 C lại có thể dùng các phó từ này để tu sức. Điều này cũng chứng minh rằng mức độ khẳng định của V 得 C thấp hơn của V 不 C. Vì thế hình thức phủ định V 不 C được dùng nhiều hơn hình thức khẳng định V 得 C.

Phương pháp của Thạch Dục Trí cũng tỏ ra có hiệu quả với việc giải thích các từ trong “nhóm từ phủ định” của tiếng Việt. Chúng ta có thể dùng phương pháp so sánh đặt trong khái niệm tương đồng này áp dụng vào các từ

⁴ 石毓智.1990. “V 得 C” 和 “V 不 C” 使用频率差别的解释. 语言研究, 02:68-74.

trong tiếng Việt như “khách sáo”, “chấp nê”, “bỉ mặt”, “đề bụng”, “giữ kẽ”. Nếu đặt trong nhóm từ cùng chỉ một khái niệm nào đó, các từ loại này đều thể hiện mức độ khẳng định khá thấp. Ví dụ:

a. **khách sáo** thân mật chân thành

(sắp xếp theo mức độ thân sơ của quan hệ xã giao từ thấp đến cao)

b. **bỉ mặt** tôn trọng sùng kính

(sắp xếp theo mức độ tôn trọng với một người nào đó từ thấp đến cao)

c. **giữ kẽ** thoải mái cởi mở

(sắp xếp theo mức độ thân thiết với người nào đó từ thấp đến cao)

“(Các từ có) mức độ khẳng định thấp sẽ có tỉ lệ dùng trong cấu trúc phủ định cao, mức độ khẳng định cao sẽ dùng trong hình thức khẳng định, trình độ khẳng định không cao không thấp thì tỉ lệ dùng trong các cấu trúc khẳng định và phủ định là tương đương nhau” là quy luật của việc sử dụng mức độ phủ định trong ngôn ngữ tự nhiên, vì vậy các từ trong tiếng Việt cũng tuân theo quy luật này. Các từ trong “nhóm từ phủ định” khi so sánh với những từ khác trong cùng nhóm khái niệm đều thể hiện mức độ khẳng định thấp, vì thế theo quy luật trên, tỉ lệ sử dụng những từ này cao là điều tự nhiên.

Ngoài ra, chúng tôi nhận thấy bản thân những từ này đều mang ý nghĩa tiêu cực, tức là người nói đều không mong muốn sự việc đó phát sinh, ví dụ: trong quan hệ xã giao, không ai muốn đối phương quá “giữ kẽ” hoặc “khách sáo” với mình, cũng không muốn nhận thái độ “bỉ mặt” của người khác. Vì thế, những từ này cũng thường xuất hiện trong những cấu trúc mang tính khuyên ngăn, ví dụ như “đừng...”, “chớ...”, “không nên...”, v.v. Xu hướng thiên về sử dụng phủ định của “không” V+ M cũng có cùng một nguồn gốc logic với các từ thuộc “nhóm từ phủ định” trên. Trong số các động từ

tiếng Việt chỉ dùng với cấu trúc phủ định “không”+V+M như “*phí phạm*”, “*oán giận*”, “*quấy rầy*”, v.v..., có thể thấy các từ này đều thể hiện những hành vi mà mọi người không mong muốn xảy ra. Ngoài ra, hình thức khẳng định của cấu trúc “không” V+ M cũng thể hiện mức độ khẳng định thấp. Ví dụ:

(1) *Có chúng nó sinh chuyện thì mới có dịp mà ăn, nếu không thì giữa đám dân hiền lành và yên phận này, khéo lắm chỉ bóp nặn được vào vụ thuế.* (Chí Phèo, Nam Cao)

(2) *Vả lại dầu có rủ được anh làm như tôi, khoác cái ba lô lên vai, đi hết làng nọ đến làng kia để nhận xét nông thôn một cách kĩ càng hơn cũng chẳng ích gì.* (Đôi mắt, Nam Cao)

Trong các ví dụ trên, trước cấu trúc khẳng định V+được đều xuất hiện những điều kiện khiến V khó có thể thực hiện được, như trong ví dụ (1), trước cụm động từ “bóp nặn được” xuất hiện các từ ngữ có tính hạn chế như “khéo lắm”, “chỉ”, hoặc trong ví dụ (2), trước cụm động từ “rủ được” cũng xuất hiện các từ như “vả lại”, “cho dù”. Những thành phần phụ này đã làm rõ thêm rằng các hành động như “bóp nặn được” hay “rủ được” đều rất khó có thể thực hiện được hoặc miễn cưỡng mới có thể đạt được kết quả. Khả năng xảy ra những hành vi này là rất nhỏ, tức là hình thức khẳng định này chỉ có thể biểu đạt một mức độ khả năng rất thấp. Theo quy luật sử dụng hình thức phủ định đã nói ở trên, vì hình thức khẳng định V+M có mức độ khẳng định thấp nên tỉ lệ sử dụng hình thức phủ định của cấu trúc này là rất cao, tức là “không+V+M” được sử dụng nhiều hơn.

Về vấn đề thứ hai: Trong tiếng Hán và tiếng Việt đều tồn tại hiện tượng này, điều này có phải đều bắt nguồn từ tính tương tự trong ngôn ngữ hay không? Từ góc độ tính tương đồng trong ngôn ngữ, có thể tham khảo cách giải thích của Hồ Thanh Quốc (2003): “Trong thế giới khách quan, rất nhiều nguyên vọng chủ quan của con người về sinh tồn và phát

triển đều không thực hiện được do sự cản trở của các điều kiện khách quan. Đối với con người, việc không thể thực hiện được một điều gì đó thường là một hiện tượng có *độ nổi bật* (salience) cao hơn so với các hiện tượng khác, vì thế dễ dàng được con người cảm nhận hơn.” Tác giả cũng dẫn lời theo quan điểm của Thẩm Gia Tuyên (1999) rằng: “Từ góc độ tri nhận, nguyên tắc của tính tương tự trong ngôn ngữ thể hiện khả năng ‘suy luận’ của con người: cách thức tổ chức các kết cấu ngữ pháp được suy luận ra hoặc mô phỏng theo các kết cấu khái niệm,...tức là nhờ vào phương thức tri nhận ‘ẩn dụ’ mà các lĩnh vực kết cấu khái niệm được phản ánh vào các lĩnh vực kết cấu ngữ pháp”. Vì hai lí do: “độ nổi bật của việc *không thể thực hiện được* một điều gì đó do nguyên nhân khách quan” và “tình trạng bất khả năng đó được làm nổi bật lên trong kết cấu khái niệm của con người” nên hiện thực khách quan (của tình trạng bất khả năng) đã được phản ánh vào “phạm trù khả năng” của ngôn ngữ thông qua phương thức “ẩn dụ ngữ pháp”, gây ra hiện tượng thiên về sử dụng hình thức phủ định của các kết cấu khả năng.

3. Kết luận

Thông qua khảo sát tình hình thực tế của việc sử dụng hai cấu trúc biểu thị khả năng V 得/不 C trong tiếng Hán và “không+V+M trong tiếng Việt, chúng tôi nhận thấy việc sử

dụng hai cấu trúc này đều tồn tại xu hướng ưu tiên sử dụng hình thức phủ định. Sau khi tiến hành một số tổng kết với quy mô nhỏ về tỉ lệ sử dụng hình thức khẳng định và phủ định của hai ngôn ngữ này, chúng ta càng thấy rõ hơn ưu thế của việc sử dụng hình thức phủ định ở hai ngôn ngữ. Nguyên nhân của hiện tượng này có thể tóm gọn ở hai điểm, đó là quy luật về việc sử dụng hình thức phủ định trong ngôn ngữ tự nhiên và sự ảnh hưởng của tính tương tự trong ngôn ngữ đối với việc phản ánh hiện thực khách quan vào các cấu trúc ngôn ngữ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. 胡清国.2003.“V 得/不 C”的强势与理据. 华中师范大学学报 (人文社会科学版), 03:124-129.
2. 吴福祥.2012.试说汉语几种富有特色的句法模式——兼论汉语语法特点的探求. 语言研究, 01: 1-13.
3. 石毓智.1990.“V 得 C”和“V 不 C”使用频率差别的解释. 语言研究, 02:68-74.
4. 刘月华、潘文娱、故韡.2003.实用现代汉语语法.北京: 商务印书馆.
5. Hoàng Phê (chủ biên) (1994), *Từ điển tiếng Việt*. NXB Khoa học Xã hội.
6. Diệp Quang Ban, Hoàng Văn Thung (2012), *Ngữ pháp tiếng Việt* (tập 1)[M]. NXB Giáo dục,104-114.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 23-04-2014)